TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 711/2024/DS-PT
Ngày: 05 - 9 - 2024
V/v Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANHNƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có :***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Minh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Ông Trần Ngọc Tuấn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Tiếu Phương Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Ông Lê Công Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 463/2024/TLPT-DS ngày 17/6/2024 về "*Tranh chấp đòi tài sản là quyền sử dụng đất và nhà ở; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 2278/2024/QĐ-PT ngày 29/7/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1971 (có mặt).

Nơi cư trú: tổ H, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Bùi Thanh T, sinh năm 1967 (có mặt).

Nơi cư trú: số H, ấp B, xã P, huyện P, tỉnh Hậu Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/3/2022)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hồng T1, sinh năm 1964 (có mặt).

Nơi cư trú: đường số A, khu dân cư Ấ, tổ D, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Huỳnh Thảo L, sinh ngày 10/5/1982. Nơi cư trú: số nhà A, tổ A, đường B, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 31/8/2022) (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Võ Thanh T2, sinh năm 1966 (có mặt).

2. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1976 (có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Việt N, sinh năm 1998 (vắng mặt).

4. Chị Nguyễn Thị Tú T3, sinh năm 2006 (vắng mặt).

Cùng cư trú: tổ H, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

5. Ủy ban nhân dân huyện C. Địa chỉ: Quốc lộ I, TT A, huyện C, tỉnh An Giang (có văn bản xin vắng mặt).

6. Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1977 (vắng mặt).

7. Cháu Nguyễn Hoàng T4, sinh năm 2008 (vắng mặt).

8. Cháu Nguyễn Hồng N1, sinh năm 2011 (vắng mặt).

Cùng cư trú: đường số A, khu dân cư Ấ, tổ D, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

Ông Nguyễn Hồng T1 là người đại diện theo pháp luật của cháu T4 và cháu N1 (có mặt).

- *Người kháng cáo*: bị đơn ông Nguyễn Hồng T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Theo nội dung đơn kiện, tự khai cùng ngày 02/8/2022 và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án ông Nguyễn Văn S trình bày:

Vào ngày 02/4/2014, ông S được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện C giao đất nền nhà cơ bản (số E, lô S, đường số A, ngang 5m dài 16m) có diện tích 80m^2 tại cụm dân cư xã C theo Quyết định số 487 ngày 02/4/2014 giá tiền 22.240.000 đồng. Thời gian trả tiền là 10 năm, tuy nhiên do ông S thực hiện trả tiền trước thời hạn 10 năm nên được miễn giảm số tiền chỉ còn hơn 19.000.000 đồng và đến nay đã thực hiện xong. Sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước vào ngày 08/6/2020 ông được UBND huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) cho hộ ông Nguyễn Văn S số CH10591, diện

tích: 80m^2, thửa đất số 392, tờ bản đồ số 42, mục đích sử dụng: Đất ở tại nông thôn. Đất tọa lạc xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

Trước đó vào năm 2015 khi nhận nền ông đã giao cho ông Võ Thanh T2 bao thầu trọn gói để xây dựng nhà với số tiền là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau khi xây dựng xong do điều kiện kinh tế khó khăn ông phải đi Đồng Nai làm công nhân nên vào ngày 25/01/2015 ông có cho ông T2 thuê lại căn nhà này thời hạn 05 năm với giá 10.000.000đồng/năm. Tuy nhiên ông T2 chỉ trả tiền thuê nhà cho ông được 03 năm. Khi hết thời hạn thuê 05 năm ông về nhà thì phát hiện ông T1 đang ở trong căn nhà, ông T1 cho rằng ông T2 kêu cho ở và ông có yêu cầu ông T1 phải trả lại nhà đất và ông T1 xin cho ông 01 tháng để di dời nhưng đã 03 năm ông T1 không trả nhà đất cho ông.

Nay ông yêu cầu ông Nguyễn Hồng T1 trả lại nhà và đất có diện tích 80m^2 và yêu cầu ông T1 bồi thường thiệt hại 36.000.000 đồng do ông phải thuê nhà để ở trong hơn 04 năm qua.

Bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và ngày 28/9/2022 ông có bản tự khai gửi cho Tòa án với nội dung:

Giữa ông với ông Võ Thanh T2 có hùn nuôi cá, do thua lỗ ông T2 nợ ông số tiền 68.848.000đ, ngoài ra ông T2 có vay của ông 75.000.000đ, khi ông đòi tiền thì ông T2 có thỏa thuận với ông: ông có 01 nền nhà tại khu dân cư C do ông mua lại theo quyết định cấp nền của ông Nguyễn Văn S đang đợi cấp GCNQSDĐ. Ông T2 thỏa thuận kêu ông đưa ½ số tiền để xây dựng nhà trên nền đất trên, xây dựng xong sẽ giao nhà và đất cho ông sử dụng để khấu trừ nợ. Ông bỏ tiền ra trả tiền vật tư xây dựng 53.511.000đ, nhà xây dựng xong vào năm 2015 thì ông T2 giao nhà và đất cho ông ở cho đến nay. Khi sinh sống trên nhà và đất này thì khoảng năm 2018 do việc xây dựng kém chất lượng nên gia đình ông phải bỏ ra một khoản tiền để tu bổ, sửa chữa nhà với số tiền 50.000.000đ. Gia đình ông đã sinh sống ổn định từ năm 2015 trên nền nhà và đất này, địa phương ai cũng biết, không ai tranh chấp, đến nay ông S trở về cho rằng nhà và đất là của mình và kiện đòi lại là không có căn cứ. Việc cơ quan có thẩm quyền cấp GCNQSDĐ cho ông S mà không xem xét, thẩm định hiện trạng thực tế ai sử dụng là không đúng quy trình, thủ tục cấp GCNQSDĐ. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại "Đơn phản tố" ngày 04/10/2022 ông Huỳnh Thảo L, người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hồng T1 trình bày: Ông T1 và gia đình là người trực tiếp sinh sống và ở ổn định trên phần đất có diện tích 80m^2, theo GCNQSDĐ số CH10591 ngày 08/6/2020 do UBND huyện C cấp tại khu dân cư xã C từ năm 2015. Ông T1 xây dựng và sửa chữa ở ổn định đến nay. Nên việc cấp GCNQSDĐ cho ông S là chưa đảm bảo tính pháp lý. Yêu cầu phản tố hủy

GCNQSDĐ số CH10591 diện tích 80m^2, thửa số 392, tờ bản đồ số 42 tọa lạc tại xã C, huyện C do UBND huyện C cấp ngày 08/6/2020 cho hộ ông Nguyễn Văn S.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Thanh T2 trình bày:

Ông có thuê nhà như ông S trình bày, ông trả tiền thuê nhà cho ông S được 03 năm, sau đó ông cũng đi làm xa nên thấy ông T1 có hoàn cảnh khó khăn nên ông có cho ông T1 vào ở nhờ. Việc cho ở nhờ chỉ nói miệng mà không có giấy tờ, khi nào đến 05 năm thì ông T1 trả lại nhà để ông trả lại cho ông S. Chỉ vì thương hoàn cảnh của ông T1 nên ông mới cho ông T1 ở nhờ căn nhà ông đã thuê, chứ ông không có ký giấy tờ bán hay có nợ gì đối với ông T1, tiền xây dựng nhà là của ông S chứ không có khoản tiền nào của ông T1. Việc ông T1 cho rằng ông thiếu tiền của ông T1 là không có căn cứ, yêu cầu ông T1 phải trả lại nhà, đất cho ông để ông trả lại cho ông S vì nhà đất này là của ông S .

Theo yêu cầu của ông S việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản được thực hiện vào các ngày 04/11/2022 và ngày 30/11/2023. Theo "Bản đồ hiện trạng" ngày 06/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh C thì phần đất do ông S và ông T1 thống nhất đo đạc với các điểm 1,2,9,5 với diện tích 80,0m^2 theo GCNQSDĐ số CH10591 ngày 08/6/2020 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S. Theo Biên bản định giá tài sản ngày 30/11/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự tổng giá trị tài sản nhà và đất ở là 278.756.000đ.

Ông S có ý kiến về việc định giá: ông cho rằng giá trị nhà và đất do Hội đồng định giá định là thấp, theo ông phải là 450.000.000đ. Các đương sự còn lại trong vụ án thống nhất với giá do Hội đồng định giá đã định không có ý kiến.

UBND huyện C không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình về việc cấp GCNQSDĐ cho ông S và ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang đã tuyên xử:

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S: Buộc ông Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Thị L1, cháu Nguyễn Hoàng T4, Cháu Nguyễn Hồng N1 phải trả lại cho ông Nguyễn Văn S 01 căn nhà có kết cấu khung thép tiền chế, vách (hàng ba trước nhà + nhà bếp có 01 phần xây tường cao 02m), mái tole, nền lót gạch tàu, gắn liền với phần đất có diện tích 80m^2.

(Theo GCNQSDĐ số CH10591 ngày 08/06/2020 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S, "Bản đồ hiện trạng" ngày 06/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh C, "biên bản định giá tài sản" ngày 30/11/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự).

"Bản đồ hiện trạng" ngày 06/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh C là một phần không thể tách rời của bản án.

Ông Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Thị L1, cháu Nguyễn Hoàng T4, cháu Nguyễn Hồng N1 được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc ông T1 phải bồi thường thiệt cho ông số tiền 36.000.000đ.

[3] Không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Hồng T1 về việc hủy bỏ GCNQSDĐ số CH10591 ngày 08/06/2020 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí dân sự sơ thẩm, quyền thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Ngày 04/3/2024, bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng cho ông tiếp tục sử dụng nhà và đất và ông trả giá trị cho nguyên đơn; hoặc bồi thường giá trị căn nhà và tài sản ông xây dựng trên đất tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 sửa đổi yêu cầu kháng cáo, hiện gia đình ông không còn chỗ ở nào khác, cho thêm thời gian lưu cư, yêu cầu được hỗ trợ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng chi phí di dời.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn S không đồng ý kháng cáo của bị đơn, nhưng ông S hỗ trợ chi phí xây hàng rào cho ông T1 với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn S, ông Bùi Thanh T đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Các đương sự thực hiện quyền, nghĩa vụ theo đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, xác định bản án sơ thẩm tuyên xử là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 không cung cấp được chứng cứ nào mới để chứng minh cho kháng cáo của mình, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1 và giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Ngoài ra, việc ông S hỗ trợ chi phí xây

hàng rào cho ông T1 với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo qui định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh luận của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của luật sư, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hồng T1:

[2.1] Ngày 02/4/2014, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S được UBND huyện C giao đất nền nhà cơ bản tại cụm dân cư xã C theo Quyết định số 487/QĐ-UBND nền đất có diện tích 80m^2 với số tiền 22.240.000 đồng, theo diện Nhà nước hỗ trợ cho những hộ gia đình có điều kiện khó khăn. Sau khi thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước, đến ngày 08/6/2020 hộ ông S được UBND huyện C cấp GCNQSDĐ số CH1059. Trước đó vào năm 2015 khi nhận nền ông đã giao cho ông Võ Thanh T2 bao thầu trọn gói để xây dựng nhà với số tiền là 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế khó khăn ông phải đi Đồng Nai làm công nhân nên vào ngày 25/01/2015 ông có cho ông T2 thuê lại căn nhà này thời hạn 05 năm với giá 10.000.000đồng/năm, ông T2 chỉ trả tiền thuê nhà cho ông được 03 năm.

Tòa án cấp sơ thẩm xác định nguồn gốc của nền đất này là của ông Nguyễn Văn S được Nhà nước cấp cho các hộ có điều kiện khó khăn để ổn định chỗ ở và cuộc sống với giá ưu đãi nhưng đi kèm với các điều kiện khác đó là "không được chuyển nhượng, cầm cố, thế chấp, cho tặng, hoán đổi", thể hiện tại Điều 2 của Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND huyện C là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Việc ông T1 thì cho rằng không phải do ông T2 cho mượn mà do ông T2 nợ ông nên đã bán để trừ nợ. Khi đó nhà đang xây dựng dỡ dang ông phải bỏ tiền ra để xây thêm, khi vào ở do chất lượng không đảm bảo ông phải tiếp tục bỏ tiền ra để sửa chữa nâng cấp thêm. Tuy nhiên, ông T2 khai giữa ông với ông T1 do có mối quan hệ làm ăn và cũng do điều kiện khó khăn, ông T2 cho ông T1 tạm mượn để ở, ông T2 không thừa nhận là đã sang nhượng cho ông T1 nền đất này và ông T1 cũng không có giấy tờ, tài liệu, chứng cứ để chứng minh là ông T2 đã sang nhượng cho ông. Căn nhà gắn liền với QSDĐ thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Nguyễn Văn S khi không được sự đồng ý của ông S là một việc làm trái pháp luật, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông S. Do đó

việc ông T1 cho rằng đã "mua" lại nền đất này từ ông T2 là không có căn cứ để chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu của ông T1 về việc hủy bỏ GCNQSDĐ đã cấp cho ông S, xét thấy yêu cầu này là không có căn cứ để chấp nhận bởi lẽ việc cấp GCNQSDĐ cho ông S xuất phát từ Quyết định cấp đất đã ban hành từ năm 2014 theo Quyết định số 487/QĐ-UBND ngày 02/4/2014 của UBND huyện C việc cấp giấy này là thực hiện chính sách của Nhà nước đối với các hộ dân thuộc diện ưu tiên, hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và không có căn cứ để hủy.

[2.4] Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 yêu cầu được hỗ trợ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, ông S không đồng ý. Tuy nhiên, ông S đồng ý hỗ trợ chi phí xây dựng hàng rào với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng. Xét thấy, phần xây dựng hàng rào không nằm GCNQSDĐ của ông S, nhưng ông S tự nguyện bồi thường cho ông T1 là đảm bảo quyền lợi cho ông T1. Như vậy, sự hỗ trợ số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng của ông S cho ông T1 là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự hỗ trợ này, chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1, sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng phân tích trên.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Về chi phí tố tụng: Do yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận nên ông T1 phải hoàn trả lại cho ông S tiền chi phí định giá 5.000.000đ, tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ 717.000đ, tổng cộng là 5.717.000đ theo "bản kê quyết toán chi phí ngày 01/12/2023" và hóa đơn giá trị gia tăng ngày 14/02/2022.

[5] Về án phí dân sự:

[5.1] Án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của ông S được chấp nhận, nên ông T1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông S cũng phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu không được chấp nhận.

[5.2] Án phí phúc thẩm: Do chấp nhận một phần kháng cáo nên bị đơn ông Nguyễn Hồng T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Hồng T1. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 17/2024/DS-ST ngày 21/02/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Tuyên xử:

1/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S: Buộc ông Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Thị L1, cháu Nguyễn Hoàng T4, Cháu Nguyễn Hồng N1 phải trả lại cho ông Nguyễn Văn S 01 căn nhà có kết cấu khung thép tiền chế, vách (hàng ba trước nhà + nhà bếp có 01 phần xây tường cao 02m), mái tole, nền lót gạch tàu, gắn liền với phần đất có diện tích 80m^2.

(Theo GCNQSDĐ số CH10591 ngày 08/06/2020 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S, "Bản đồ hiện trạng" ngày 06/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh C, "biên bản định giá tài sản" ngày 30/11/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng dân sự).

"Bản đồ hiện trạng" ngày 06/01/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh C là một phần không thể tách rời của bản án.

Ông Nguyễn Hồng T1, bà Nguyễn Thị L1, cháu Nguyễn Hoàng T4, cháu Nguyễn Hồng N1 được quyền lưu cư trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, ngày 05/9/2024.

2/. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S về việc ông T1 phải bồi thường thiệt cho ông số tiền 36.000.000đ (ba mươi sáu triệu đồng).

3/. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Hồng T1 về việc hủy bỏ GCNQSDĐ số CH10591 ngày 08/06/2020 do UBND huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn S.

4/. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn S hỗ trợ cho ông Nguyễn Hồng T1 chi phí xây dựng hàng rào với số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng.

Các bên thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5/. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Nguyễn Hồng T1 phải trả lại cho ông Nguyễn Văn S 5.717.000đ tiền chi phí tố tụng theo "bản kê quyết toán chi phí ngày 01/12/2023" và hóa đơn giá trị gia tăng ngày 14/02/2022.

6/. Về án phí dân sự:

6.1/ Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hồng T1 phải chịu 300.000đ (ba trăm ngìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Nguyễn Văn S phải chịu 1.800.000đ (một triệu tám trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự được khấu trừ 900.000đ (chín trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông đã nộp theo biên lai thu số 0003751 ngày 09/09/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Ông S phải nộp tiếp số tiền án phí còn lại là 900.000đ (chín trăm nghìn đồng).

6.2/ Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Hồng T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả cho ông T1 số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000200 ngày 12/3/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thúy Hồng **Trần Ngọc Tuấn** **Nguyễn Đắc Minh**